

DỰ THẢO

LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ TÀI NGUYÊN

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tài nguyên.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tài nguyên số 45/2009/QH12, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 71/2014/QH13

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Căn cứ tính thuế

Căn cứ tính thuế tài nguyên là sản lượng tài nguyên tính thuế, giá tính thuế và thuế suất. **Riêng đối với tài nguyên khai thác là khoáng sản kim loại thực hiện theo Điều 7a Luật này.**”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 và bỏ khoản 6 Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 5 như sau:

“5. Đối với nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, nước thiên nhiên dùng cho ~~mục đích công nghiệp~~ **sản xuất, kinh doanh (trừ nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện quy định tại khoản 4 Điều này)** thì sản lượng tài nguyên tính thuế được xác định bằng mét khối (m³) hoặc lít (l) theo hệ thống đo đếm đạt tiêu chuẩn đo lường chất lượng Việt Nam.”

b) Bãi bỏ khoản 6 Điều 5.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm c khoản 3 và khoản 4 Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“a) Đối với nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện là giá bán **lẻ** điện ~~thương phẩm~~ bình quân.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 như sau:

“c) Đối với tài nguyên khai thác không tiêu thụ trong nước mà xuất khẩu là ~~giá xuất khẩu~~ **trị giá hải quan theo quy định tại Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn thi hành, không bao gồm thuế xuất khẩu**”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

*“4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể giá tính thuế đối với tài nguyên **thuộc đối tượng chịu thuế** ~~chưa xác định được giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên~~, trù dầu thô, khí thiên nhiên, khí than và nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện.*

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 7 như sau:

*“2. Thuế suất cụ thể đối với dầu thô, khí thiên nhiên, khí than được xác định lũy tiến từng phần theo sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên, khí than khai thác bình quân mỗi ngày. **Thuế suất cụ thể đối với khoáng sản kim loại được quy định theo mức độ chế biến khoáng sản.***

3. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội **Chính phủ** quy định mức thuế suất cụ thể đối với từng loại tài nguyên trong từng thời kỳ bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Phù hợp với danh mục nhóm, loại tài nguyên và trong phạm vi khung thuế suất do Quốc hội quy định;

b) Góp phần quản lý nhà nước đối với tài nguyên; bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nguồn tài nguyên;

c) Góp phần bảo đảm nguồn thu ngân sách nhà nước và ~~bình ổn thị trường.~~”

5. Bổ sung Điều 7a sau Điều 7 như sau:

“Điều 7a. Thuế tài nguyên đối với khoáng sản kim loại

1. Căn cứ tính thuế tài nguyên là doanh thu bán từng loại khoáng sản thuộc đối tượng chịu thuế (nguyên khai; quặng tinh hoặc khoáng sản đi kèm) và thuế suất.

2. Doanh thu tính thuế tài nguyên là toàn bộ tiền bán hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền, nhưng không thấp hơn doanh thu tính theo giá tính thuế do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tương ứng, trừ một số trường hợp cụ thể sau:

a) Trường hợp hàng hóa bán ra không thuộc đối tượng chịu thuế tài nguyên thì doanh thu để tính thuế tài nguyên được xác định bằng sản lượng quặng tinh được sử dụng vào trong chế biến nhân với giá tính thuế do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tương ứng với từng loại quặng tinh.

b) Trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế được mua bán giữa các bên có giao dịch liên kết theo pháp luật về quản lý thuế thì doanh thu để tính thuế tài nguyên được xác định bằng sản lượng hàng hóa chịu thuế nhân với giá tính thuế do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tương ứng với từng loại hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế.

c) Trường hợp doanh thu tính thuế thấp hơn doanh thu tính theo giá tính thuế do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tương ứng, thì doanh thu để tính thuế tài nguyên được xác định bằng sản lượng hàng hóa chịu thuế nhân với giá tính thuế do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tương ứng với từng loại hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế.

3. Thuế suất thực hiện theo quy định của Chính phủ. Trường hợp hàng hóa bán ra chứa nhiều loại khoáng sản khác nhau thì áp dụng thuế suất của loại khoáng sản có mức cao nhất.

4. Thời điểm xác định thuế tài nguyên là thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng.

Riêng trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì thời điểm xác định thuế tài nguyên là thời điểm phát sinh hoạt động đưa quặng tinh vào chế biến.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này”.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI thông qua tại phiên họp ngày tháng 10 năm 2026.

TM. QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Trần Thanh Mẫn